

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2022/DS-PT

Ngày: 24-6-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Văn Uẩn

*Các Thẩm phán:* Bà Đinh Thị Ngọc Yến

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:**

Bà Đặng Thị Cẩm Chi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2022/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 142/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 85, Đường H, Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An.

**- Bị đơn:**

1. Bà Cao Thị B, sinh năm 1969;

2. Ông Trần Văn M, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Số 370A/2, Ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trần Thái L, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 370A/2, Ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

**- Người kháng cáo:** Bị đơn bà Cao Thị B.

*(Tất cả có mặt tại phiên tòa)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:*

Ngày 07/12/2020 dương lịch, bà Cao Thị B và ông Trần Văn M có vay của bà số tiền 360.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng trả, hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, mục đích vay để mua bán thanh long, quá trình vay ông M, bà B trả được 03 tháng tiền lãi với số tiền là 21.600.000 đồng.

Ngày 06/3/2021 dương lịch, bà Cao Thị B và ông Trần Văn M có vay của bà số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày trả, hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, mục đích vay để mua bán thanh long, quá trình vay ông M và bà B không có trả tiền lãi cho bà.

Tổng cộng bà Cao Thị B và ông Trần Văn M còn nợ bà số tiền vốn vay 960.000.000 đồng. Nay đã quá thời hạn trả theo thỏa thuận nhưng bà Cao Thị B và ông Trần Văn M không trả, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Cao Thị B và ông Trần Văn M trả cho bà số tiền vốn vay 960.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu tính lãi ở giai đoạn thi hành án.

Bà xác định chỉ có cho ông M và bà B vay 02 lần với tổng số tiền 960.000.000 đồng, theo 02 giấy nhận nợ hai bên đã ký kết. Bà không có cho ông Trần Thái L vay nên không có yêu cầu ông L trả tiền nợ vay mà chỉ yêu cầu ông M và bà B liên đới trả số tiền nợ 960.000.000 đồng.

*Ông Trần Văn M là bị đơn trình bày:* Cách đây 4 năm, vợ chồng ông chỉ có vay của bà M số tiền 360.000.000 đồng. Trong quá trình vay vợ chồng ông có trả tiền lãi đầy đủ cho bà M hàng tháng, thời gian đầu mỗi tháng trả lãi từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, sau đó thì trả lãi bằng hình thức góp tiền ngày, mỗi ngày 300.000 đồng, góp liên tục đến khi dịch bệnh xảy ra, hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng nên ông bà ngưng không góp tiền cho bà M.

Còn phần nợ 600.000.000 đồng là số nợ mà vợ chồng ông bảo lãnh cho con tên Trần Thái L vay để mua đất, số nợ này Thái Long có trả cho bà M số tiền lãi 36.000.000 đồng.

Ông xác định chữ ký tên trong giấy nhận nợ ngày 07/12/2020 và ngày 06/3/2021 là của ông nên đồng ý thanh toán số tiền nợ 960.000.000 đồng cho bà M và xin được trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 20.000.000 đồng đến khi xong nợ.

*Bà Cao Thị B là bị đơn trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của ông M, trước đây vợ chồng bà có vay của bà M số tiền 320.000.000 đồng, trả lãi mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, khi gia đình khó khăn vợ chồng bà ngưng không trả lãi cho bà M 04 tháng nên bà M đã cộng dồn tiền vốn và tiền lãi thành số tiền nợ 340.000.000 đồng. Sau đó, bà có vay thêm bà M 20.000.000 đồng nên hai bên chốt nợ và ký giấy nhận nợ số tiền 360.000.000 đồng. Còn số tiền nợ 600.000.000 đồng là khoản nợ vợ chồng bà bảo lãnh vay cho con tên Trần Thái L. Nhưng do bà đã cùng ông M ký tên trong giấy nhận nợ ngày 07/12/2020 và ngày 06/3/2021 với bà M nên bà đồng ý cùng ông M trả số tiền

960.000.000 đồng cho bà M và xin được trả dần hàng tháng, mỗi tháng 20.000.000 đồng trả đến khi xong nợ.

Quá trình vay, bà có đưa cho bà M giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay, bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết M trả cho bà bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 078740 đối với thửa đất số 379, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.594,9m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã Phước Tân Hưng do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*Ông Trần Thái L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Cách nay khoảng vài tháng ông có nhờ ba mẹ ông tên ông Trần Văn M và bà Cao Thị B bảo lãnh cho ông vay của bà M số tiền 600.000.000 đồng, mục đích vay để mua đất, ông đã trả 10 ngày tiền lãi cho bà M. Khi vay, ông M và bà B đã ký giấy nhận nợ với bà M số tiền 600.000.000 đồng thay cho ông và quá trình giải quyết vụ án bà M không yêu cầu ông trả tiền vay mà chỉ yêu cầu ông M, bà B trả tiền ông cũng đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 15/3/2022, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tuyên xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Nguyễn Thị Tuyết M đối với bà Cao Thị B và ông Trần Văn M.

Buộc bà Cao Thị B và ông Trần Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết M số tiền vốn vay 960.000.000 (chín trăm sáu mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M có trách nhiệm giao trả cho bà Cao Thị B bản chính giấy chứng nhận QSDĐ số BP 078740, do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho bà Cao Thị B, ngày 17/6/2013 đối với thửa đất số 379, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.594,9m<sup>2</sup>, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Phước Tân Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

2. Về án phí: Bà Cao Thị B và ông Trần Văn M phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 40.800.000 (bốn mươi triệu tám trăm nghìn) đồng.

Bà M không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 20.400.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000793 ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 25/3/2022, bị đơn bà Cao Thị B kháng cáo, yêu cầu được trả dần số tiền 960.000.000 đồng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Về thủ tục: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng qui định về thủ tục tố tụng. Kháng cáo của bà Cao Thị B trong hạn luật định, đúng thủ tục, Tòa án thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm là có căn cứ.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Bà Cao Thị B thống nhất với số nợ mà nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M yêu cầu. Do đó, cấp sơ thẩm đã buộc bà B và ông M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M 960.000.000 đồng là có cơ sở. Đối với yêu cầu kháng cáo xin trả dần của bà B không được phía bà M đồng ý nên không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Cao Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Cao Thị B được thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết M: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà B và ông M thừa nhận còn nợ bà M số tiền vốn vay 960.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Cao Thị B và ông Trần Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết M số tiền vốn vay 960.000.000 đồng là có cơ sở.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của bà B: Ông M và bà B đồng ý trả số nợ gốc vay cho bà M nhưng xin được trả dần số nợ trên hàng tháng, mỗi tháng trả 20.000.000 đồng, trả đến khi xong nợ. Yêu cầu xin được trả dần của ông M, bà B không được bà M chấp nhận nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà B, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Cao Thị B.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 15/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của bà Nguyễn Thị Tuyết M đối với bà Cao Thị B và ông Trần Văn M.

Buộc bà Cao Thị B và ông Trần Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết M số tiền vốn vay 960.000.000 (*Chín trăm sáu mươi triệu*) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M có trách nhiệm giao trả cho bà Cao Thị B bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 078740, do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho bà Cao Thị B, ngày 17/6/2013 đối với thửa đất số 379, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.594,9m<sup>2</sup>, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Phước Tân Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Cao Thị B và ông Trần Văn M phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 40.800.000 (*Bốn mươi triệu tám trăm nghìn*) đồng.

Bà Nguyễn Thị Tuyết M không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 20.400.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000793 ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Cao Thị B phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007760 ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà Cao Thị B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Văn Uẩn**